

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĐ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 9 - 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĐ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Huy.
- Bà Hồ Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nhân Tài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Minh Thuận - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 568/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 602/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 05/9/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bơ Nướch L, sinh năm: 2000;

Nơi thường trú: Xã TL, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và cháu Ra Pát T, sinh ngày 08/5/2017: Bà Cao Thị T là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Ra Pát T, sinh năm: 1996;

Nơi thường trú: Xã TL, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 7 năm 2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bơ Nướch L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ra Pát T tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 10/02/2020. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng về sinh sống với ba mẹ chồng tại Xã TL, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hôn nhân vợ chồng mới đầu có hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn thì không còn hạnh phúc nữa. Nguyên nhân là do ba mẹ chồng điện thoại cho anh T khi đó đi làm trong miền Nam nói chị đang quen với người đàn ông khác. Anh T gọi điện cho chị L và chị đã giải thích không có chuyện đó xảy ra nhưng anh T không tin tưởng mà còn chửi mắng và xúc phạm, chặn số điện thoại của chị. Sau đó anh T gọi điện cho ba mẹ anh nói đuổi chị ra khỏi nhà, chị L ra khỏi nhà về sống với ba mẹ ruột từ tháng 4 năm 2022 cho đến nay. Ngoài ra, mâu thuẫn của vợ chồng chị là do ba mẹ chồng vu khống chị, nói không đúng về chị làm cho anh T hiểu lầm, không tin tưởng chị. Thời gian vợ chồng ly thân đã lâu, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chị L khởi kiện ra Tòa án yêu cầu ly hôn với anh Ra Pát T.

Về con chung: Chị với anh Ra Pát T có 01 người con chung là cháu Ra Pát T, sinh ngày 08/5/2017. Kể từ khi chị với anh T ly thân cho đến nay, cháu T do anh T và ông bà nội nuôi dưỡng, chăm sóc. Để ổn định cuộc sống của cháu, chị yêu cầu giao cháu T cho anh Ra Pát T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn anh Ra Pát T:* Tòa án đã tiến hành xác minh; tại thời điểm xác minh anh Ra Pát T không có mặt tại địa phương, ông Ra Pát Dếp, sinh năm 1965 (ba ruột của anh T) xác nhận: Tòa án gửi Thông báo, Giấy triệu tập ông đã nhận và đã thông báo cho anh T biết về nội dung của các văn bản này, do anh T đang làm ăn ở xa nên không về được, anh T cũng đồng ý ly hôn với chị Bơ Nướch L và yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Ra Pát T nhưng anh T vắng mặt tất cả các buổi làm việc mà không có lý do nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh.

** Ý kiến của bà Cao Thị T là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và cháu Ra Pát T:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bơ Nướch L và anh Ra Pát T tự nguyện kết hôn vào ngày 18 tháng 02 năm 2020, đăng ký kết hôn tại: Ủy ban nhân dân xã TL, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hôn nhân của chị L và anh T là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về sinh sống với ba mẹ anh T tại Xã TL, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế cho đến khi xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không tin tưởng chị L, nghe ba mẹ nói chị L đang quen và nói chuyện với người đàn ông khác thì gọi điện chửi mắng chị L, chặn số điện thoại và không để cho chị L giải thích. Đến tháng 04/2022 anh T và gia đình đã đuổi chị L ra khỏi nhà, hiện chị L đang ở với ba mẹ ruột cho đến nay. Từ những nguyên nhân này thì thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng họ đã trầm trọng không có khả năng để cải thiện, mục đích hôn nhân giữa chị L và anh T

không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Mặc dù anh T hiện không có mặt tại địa phương nhưng mọi thủ tục giải quyết ly hôn giữa chị L và anh T qua xác nhận từ phía gia đình của anh T đều thông báo cho anh biết, tức là anh đã nhận biết được quyền và nghĩa vụ của mình tại Tòa án nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh Ra Pát T.

Về con chung: Vợ chồng chị L và anh T có 01 người con chung là cháu Ra Pát T, sinh ngày 08/5/2017. Từ khi chị L và anh T ly thân, cháu ở cùng anh T và vợ chồng ông Ra Pát Dếp, mọi sinh hoạt và học tập của cháu trong thời gian này đều do ông Dếp trực tiếp chăm lo cho cháu, anh T có gửi tiền cho ông Dếp để nuôi dưỡng cháu T. Theo nguyện vọng của gia đình, mong muốn giao cháu T cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng, gia đình cũng cam đoan sẽ hỗ trợ anh T nuôi dưỡng cháu T tốt nhất. Qua xác minh, cháu T hiện có sức khỏe tốt, ngoan ngoãn, hiện cháu đang học lớp 01 Trường Tiểu học Thượng Long, cháu gần gũi với ông bà nội. Để tiếp tục ổn định cuộc sống của cháu T đề nghị Tòa án xem xét giao cháu Ra Pát T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Do anh T vắng mặt, không có biên bản trình bày ý kiến về cấp dưỡng nuôi con nên Trợ giúp viên pháp lý không có ý kiến gì.

Về tài sản chung, nợ chung: Do chị L không yêu cầu nên Trợ giúp viên pháp lý không có ý kiến gì.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bơ Nướch L, chị L được ly hôn với anh Ra Pát T; về con chung: Giao cháu Ra Pát T, sinh ngày 08/5/2017 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị L không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật; về tài sản chung, nợ chung: Do chị L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Về án phí: Nguyên đơn chị L được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Bơ Nướch L khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn anh Ra Pát T nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; đồng thời anh T hiện đang cư trú tại: Xã TL, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Bơ Nướch L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do bận công việc. Tuy nhiên, chị L đã có lời khai trong hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt của chị L không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Bị đơn anh Ra Pát T đã được Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bơ Nướch L và anh Ra Pát T tự nguyện kết hôn vào ngày 18 tháng 02 năm 2020, đăng ký kết hôn tại: Ủy ban nhân dân xã TL, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hôn nhân của chị L và anh T là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận.

Theo chị L, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng mới đầu có hạnh phúc, sau do phát sinh nhiều mâu thuẫn thì không còn hạnh phúc nữa là do anh T không tin tưởng chị, nghe ba mẹ anh nói chị đang qua lại với người đàn ông khác thì gọi điện chửi mắng, đuổi chị ra khỏi nhà và không để cho chị giải thích nên dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Xét thấy, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Ra Pát T nhưng anh T vắng mặt tất cả các buổi làm việc không có lý do. Điều đó chứng tỏ anh T không mong muốn tìm giải pháp để hàn gắn tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng. Mặt khác tại các biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân ở địa phương và gia đình của anh T xác nhận chị L và anh T đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2022 đến nay nên khả năng để vợ chồng đoàn tụ là không khả thi, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng mà không thể hàn gắn được. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bơ Nướch L, chị L được ly hôn anh Ra Pát T.

[3.2] Về con chung: Chị Bơ Nướch L và anh Ra Pát T có 01 người con chung là Ra Pát T, sinh ngày 08 tháng 5 năm 2017. Xét theo yêu cầu của chị L là giao cháu T cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng và không phải cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử nhận định: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải căn cứ quyền lợi mọi mặt của con. Sau khi chị L và anh T sống ly thân, cháu T sống với anh T và vợ chồng ông Ra Pát Dếp (ông, bà nội của cháu T), mặc dù anh T đi làm ăn xa nhưng vẫn thường xuyên quan tâm, thăm hỏi đến cháu T và gửi tiền cho vợ chồng ông Dếp để nuôi dưỡng cháu. Về phía gia đình của anh T có nguyện vọng giao cháu T cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng, gia đình cũng cam đoan sẽ hỗ trợ anh T nuôi dưỡng

cháu T tốt nhất. Để đảm bảo ổn định cuộc sống cả về vật chất lẫn tinh thần cho cháu, Hội đồng xét xử cần chấp nhận giao cháu Ra Pát T cho anh T tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng theo yêu cầu của chị L quy định tại các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh T vắng mặt, không có ý kiến về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Bơ Nướch L là người đồng bào dân tộc thiểu số hiện đang sinh sống tại xã Thượng Long nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Đối với quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ND; quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và cháu Ra Pát T của Trợ giúp viên pháp lý có căn cứ pháp luật nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bơ Nướch L

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bơ Nướch L được ly hôn với anh Ra Pát T (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 18/02/2020 do Ủy ban nhân dân xã TL, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp).

- Về con chung: Giao cháu Ra Pát T, sinh ngày 08 tháng 5 năm 2017 cho anh Ra Pát T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi); chị L không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, chị Bơ Nướch L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần

thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Bơ Nướch L được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện NĐ;
- Chi cục THADS huyện NĐ;
- UBND xã TL, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Đương sự;
- Trợ giúp viên pháp lý;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Mạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Hằng

Phạm Huy

Nguyễn Văn Mạnh

